

THỦ TƯỚNG CHÍNH
PHỦ
Số: 63/2009/QĐ-TTg

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành cơ chế quản lý tài chính và biên chế đối với ngành Hải quan năm 2009 và năm 2010

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;
Căn cứ Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ngày 29 tháng 11 năm 2005;
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;
Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đối tượng, phạm vi áp dụng

Ban hành cơ chế quản lý tài chính và biên chế áp dụng đối với ngành Hải quan trực thuộc Bộ Tài chính trong thời gian 2 năm, từ năm 2009 đến hết năm 2010.

Điều 2. Mục đích, yêu cầu

Thực hiện cơ chế quản lý tài chính và biên chế của ngành Hải quan phải bảo đảm các mục tiêu, yêu cầu sau đây:

- Thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước đối với các khoản thu liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu; hoàn thành nhiệm vụ thu thuế cho ngân sách nhà nước được nhà nước giao.
- Đổi mới cơ chế quản lý biên chế và kinh phí hoạt động của ngành Hải quan; thúc đẩy việc sắp xếp, tổ chức bộ máy, xây dựng lực lượng trong sạch, vững mạnh, có trình độ chuyên môn cao; sử dụng kinh phí được giao gắn với kết quả và hiệu quả hoạt động tổ chức thu ngân sách nhà nước; trao quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm cho Thủ trưởng đơn vị trong tổ chức công việc, sử dụng lao động và sử dụng các nguồn lực tài chính.
- Chủ động trong sử dụng nguồn kinh phí được giao, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; tập trung hiện đại hóa công nghệ thông tin và trang bị kỹ thuật hiện đại để nâng cao hiệu lực, hiệu quả và hiện đại hóa công nghệ quản lý nhằm thực hiện tốt chức năng và nhiệm vụ nhà nước giao, đủ điều kiện hội nhập quốc tế; tăng cường đào tạo và bổ sung thu nhập cho cán bộ, công chức.
- Thực hiện công khai dân chủ theo quy định của pháp luật, bảo đảm quyền lợi hợp pháp của cán bộ, công chức ngành Hải quan.

Điều 3. Về biên chế

- Biên chế của ngành Hải quan được xác định trong phạm vi tổng số biên chế được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao cho Bộ Tài chính. Bộ trưởng Bộ Tài chính giao chỉ tiêu biên chế cho ngành Hải quan phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định trên cơ sở chủ động tổ chức, sắp xếp bộ máy quản lý và sử dụng lao động theo đúng chủ trương tinh giản biên chế của Nhà nước.
- Trường hợp do thành lập thêm hoặc sáp nhập đơn vị hải quan tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc được bổ sung chức năng, nhiệm vụ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền mà cần tăng thêm hoặc giảm biên chế, Bộ trưởng Bộ Tài chính thống nhất với Bộ trưởng Bộ Nội vụ trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.
- Ngoài số biên chế được giao, ngành Hải quan được hợp đồng thuê khoán công việc và hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Kinh phí bảo đảm hoạt động

- Kinh phí bảo đảm hoạt động của ngành Hải quan được xác định là 1,6% trên dự toán thu được Quốc hội thông qua do ngành Hải quan tổ chức thực hiện trong dự toán thu - chi ngân sách nhà nước hàng năm, bao gồm: chi thường xuyên và chi đầu tư xây dựng.
- Chi ứng dụng công nghệ thông tin, hiện đại hoá ngành bảo đảm mức tối thiểu là 9% trên tổng số chi thường xuyên; chi đầu tư xây dựng bảo đảm mức tối thiểu là 10% trên dự toán chi hàng năm được duyệt của ngành Hải quan.
- Dự toán chi bảo đảm hoạt động của ngành Hải quan được tổng hợp chung trong dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm của Bộ Tài chính, trình Quốc hội quyết định.

4. Hàng năm, nếu số thu do ngành Hải quan tổ chức thực hiện tăng hoặc giảm so với dự toán thu được Quốc hội giao, Bộ Tài chính trình Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định theo Điều 59 của Luật Ngân sách nhà nước.

5. Khi Nhà nước thay đổi chính sách, chế độ, ngành Hải quan tự trang trải các khoản chi tăng thêm theo chính sách, chế độ mới. Trường hợp do các yếu tố khách quan dẫn đến mức kinh phí giao cho ngành Hải quan không đủ để bảo đảm mức chi tối thiểu duy trì hoạt động của bộ máy thì Bộ trưởng Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, điều chỉnh cho phù hợp.

Điều 5. Các nguồn kinh phí khác

Ngoài mức kinh phí được giao quy định tại Điều 4 Quyết định này, hàng năm ngành Hải quan còn được sử dụng các nguồn kinh phí sau:

1. Kinh phí ngân sách nhà nước cấp để thực hiện các nội dung công việc:

- a) Thực hiện, các đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước, cấp Bộ;
- b) Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức theo Chương trình của Nhà nước;
- c) Thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án khác của Chính phủ ngoài nhiệm vụ thường xuyên của ngành Hải quan;
- d) Thực hiện tinh giản biên chế theo chế độ do Nhà nước quy định.

2. Phí và lệ phí được phép để lại theo quy định của cơ quan có thẩm quyền, nguồn kinh phí hợp pháp khác được sử dụng theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Nội dung sử dụng kinh phí hoạt động

1. Nội dung chi thường xuyên:

Kinh phí chi thường xuyên của ngành Hải quan (bao gồm cả chi cho hoạt động thường xuyên của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tổng cục Hải quan) gồm các nội dung sau:

a) Chi thanh toán cá nhân (bao gồm cả chi tăng lương, chi thuê khoán công việc và hợp đồng lao động thuê ngoài theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Quyết định này). Trên cơ sở biên chế được Bộ Tài chính giao và hay dự toán kinh phí được sử dụng, mức chi tiền lương bình quân toàn ngành không vượt quá 1,8 lần so với chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức do Nhà nước quy định (lương ngạch, bậc, chức vụ và các loại phụ cấp, trừ phụ cấp làm đêm, làm thêm giờ);

b) Chi quản lý hành chính và chi bảo đảm hoạt động nghiệp vụ chuyên môn, gồm:

- Chi các khoản dịch vụ công cộng, vật tư văn phòng, thông tin truyền thông, liên lạc, hội nghị, chi công tác phí, thuê mướn và một số khoản chi khác theo quy định;
- Chi tuyên truyền các chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thuế và hoạt động hải quan;
- Chi các nghiệp vụ đặc thù về chống buôn lậu, chi mua vật tư, ấn chỉ và các khoản chi nghiệp vụ đặc thù khác;
- Chi kiểm tra, kiểm soát nhằm ngăn chặn các hành vi trốn lậu thuế và vi phạm pháp luật thuế, hải quan;
- Chi phối hợp công tác để thực hiện nhiệm vụ của ngành Hải quan;
- Chi bồi thường thiệt hại cho tổ chức và cá nhân theo quy định của pháp luật trong hoạt động nghiệp vụ Hải quan;
- Chi đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức theo chương trình, kế hoạch của ngành Hải quan;
- Chi mua sắm, sửa chữa thường xuyên và sửa chữa lớn tài sản, trang thiết bị, cơ sở vật chất, trụ sở làm việc phục vụ công tác chuyên môn, nghiệp vụ;
- Chi ứng dụng công nghệ thông tin và hiện đại hoá ngành theo chương trình kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
- Các khoản chi hoạt động thường xuyên khác.

c) Thực hiện các chương trình, dự án theo nhiệm vụ chung của toàn ngành tài chính trong đó có phục vụ nhiệm vụ chuyên môn của ngành Hải quan như: dự án hạ tầng truyền thông thống nhất ngành tài chính, Dự án cơ sở dữ liệu ngành Tài chính, Dự án trung tâm đào tạo công nghệ thông tin và dự phòng thảm họa, Dự án đào tạo chuyên sâu tin học ngành tài chính và các chương trình, dự án khác. Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định việc điều hành dự toán kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ nêu trên;

d) Ngành Hải quan được chủ động sử dụng nguồn kinh phí chi bảo đảm hoạt động thường xuyên phù hợp với nhu cầu thực tế và trong phạm vi số kinh phí được giao. Kinh phí giao bảo đảm hoạt động thường xuyên cuối năm chưa sử dụng hết được chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng.

2. Nội dung chi đầu tư xây dựng

a) Các dự án, công trình của ngành Hải quan theo kế hoạch đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Trong trường hợp cần thiết, Bộ trưởng Bộ Tài chính được quyền điều động một phần nguồn vốn đầu tư xây dựng sau khi đã bố trí cho các dự án, công trình quy định tại điểm a khoản 2 nêu trên để đầu tư cho các công trình, dự án